

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/01/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P2+CLH+CLO	7:25	22+0+0	0+0+0		16+2+0	0+0+0	chuyen 4 Clí - CLO
2		BK8+PVD1+BK6	7:25	8+5+3	0+0+0		6+4+4	0+0+0	
3		RP2+TD2+P2	9:25	12+4+6	0+0+0		4+0+18	0+0+0	
4		CTC1+RC3+RP2	9:25	5+6+11	0+0+0		5+4+13	0+0+0	
5		T.U.NG	11:00	16	0		18	0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1 người Clí về bờ đi RP2



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/01/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: P2 - CLI - CLO	CREW: Hạnh - NPhú - HIỂU - Thành	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NG. TRƯỜNG GIANG	P2	87	1	5	20	60	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TIẾN HIỆP	P2	66	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC TUẤN	P2	84-85	2	14		65	KH-THAC	Vietnamese
4	BAGRAMOV A.	P2	81	1	9		100	KH-THAC	Russian
5	DƯƠNG ĐỨC HIỂU	P2	99	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM QUỐC HIẾN	P2	96	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
7	TRỊNH BA ĐỒNG	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN ĐỨC HUY	P2	98	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG MINH ĐỨC	P2	91	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ VĂN ĐỒNG	P2	86	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
11	LƯU VĂN TÚ	P2	97	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ VĂN HIỂU	P2	62	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN PHÚ HỮU	P2	95	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐÌNH NAM	P2	90	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HIỂU	P2	88	1	9		82	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN ĐÌNH ĐẠI	P2	92	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI THỌ DUNG	P2	200	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN CÔNG THANH	P2	89	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
19	TẶNG MẠNH HÀ	P2	64-65	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN PHONG	P2	63	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM VĂN QUYÊN	P2	94	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	VŨ NGỌC DUNG	P2	93	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	22	23	132	1.552	20	16		CHUYỂN 4 PAX TỪ CLI SANG CLO
2	CLI	0	0	0	0	30	2+4		
3	CLO	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	23	132	1.552	50	18		
WEIGHT KG				132	1.552	50			

GRAND TOAL: 1.734 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/01/2022	TO: BK8 - PVD1 - BK6	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: VThắng - ĐNam - THỤ	ETA: 09:25
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯƠNG THÈ VINH	BK8	44	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
2	VU XUÂN TÂM	BK8	43	1	14		67	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ THANH HAI	BK8	42	1	15		65	KH-THAC	Vietnamese
4	VU ĐÌNH QUANG	BK8	46	1	15		76	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TẤT HÒA	BK8	41	1	12		77	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN THUẬN	BK8	45	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN THANH SƠN	BK8	47	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐO VĂN HÙNG	BK8	48	1	5		65	PSV	Vietnamese
9	VU QUANG	PVD1	83	1	10		70	VSP	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC HOÀN	PVD1	84	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN ĐĂNG	PVD1	79	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
12	VU VĂN THẬP	PVD1	81-82	2	10		61	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU NGHIỆM	PVD1	80	1	13		60	PSV	Vietnamese
14	LÊ NGỌC AN	BK6	63	1	7	60	78	KH-THAC	Vietnamese
15	CHU QUYNH AN	BK6	44	1	7		102	KH-THAC	Vietnamese
16	VU VĂN THỌ	BK6	42-43	2	19		73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

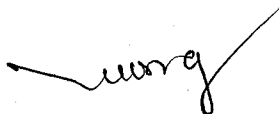
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	8	8	81	560	0	6		
2	PVD1	5	6	45	327	0	4		
3	BK6	3	4	33	253	60	4		
TOTAL		16	18	159	1.140	60	14		
WEIGHT KG				159	1.140	60			

GRAND TOAL: 1.359 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN


FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/01/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	TO: RP2 - TD2 - P2	CREW: Hạnh - NPhú - HIẾU - Thành	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KHALIMOV	RP2	23	1	12		85	KH-THAC	Russian
2	ĐINH XUÂN GIANG	RP2	20	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
3	LƯU VĂN ĐIỀN	RP2	11	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ANH DŨNG	RP2	21	1	10	17	85	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM ANH TÚ	RP2	15	1	5		78	GETRACO	Vietnamese
6	BUI VĂN QUỐC	RP2	16	1	5		58	GETRACO	Vietnamese
7	VŨ TRUNG KIẾN	RP2	12	1	15		75	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐINH VĂN TÂM	RP2	18	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ VĂN HIẾU	RP2	10	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN LÊ CHIẾN	RP2	13-14	2	18		85	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN AN NINH	RP2	17	1	17		72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN BÀ DUY	RP2	19	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ NGỌC TIẾN	TD2	28	1	8	80	75	DVL	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU TRIẾT	TD2	27	1	10		65	DVL	Vietnamese
15	ĐINH VIỆT DŨNG	TD2	29-30	2	16		65	DVL	Vietnamese
16	NGÔ TRI HOÀNG	TD2	31	1	10		70	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC DŨ	P2	10	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ SINH TÂM	P2	68	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN SƠN TRƯỞNG	P2	09	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ NGỌC HAI	P2	11	1	10		93	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU HẠ	P2	08	1	10		58	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN TRỌNG PHONG	P2	12	1	9	22	75	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

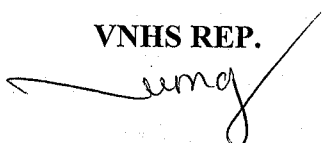
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	12	13	125	890	17	4		
2	TD2	4	5	44	275	80	0		
3	P2	6	6	47	453	22	18		
TOTAL		22	24	216	1.618	119	22		
WEIGHT KG				216	1.618	119			

GRAND TOAL: 1.953 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/01/2022	TO: CTC1 - RC3 - RP2	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: VThắng - ĐNam - THỤ	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	AKOPOV D.	CTC1	64	1	4		83	KH-THAC	Russian
2	LÊ QUANG ANH HÙNG	CTC1	63	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN TRỌNG MẠNH	CTC1	65	1	10		58	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TIẾN THỨC	CTC1	66	1	6	15	83	KH-THAC	Vietnamese
5	LƯƠNG XUÂN THANH	CTC1	67	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
6	VU LÊ TRUNG	RC3	05	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGO KHANH NAM	RC3	06-07	2	15	10	83	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN HAI VIỆT	RC3	04	1	5		89	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ VĂN QUYỀN	RC3	03	1	5		57	GETRACO	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH BÌNH	RC3	09	1	12	71	70	PVGAS	Vietnamese
11	HỒ QUỐC CƯỜNG	RC3	08	1	6		70	PVGAS	Vietnamese
12	LÊ CHI CÔNG	RP2	44	1	5		93	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM TRUNG KIẾN	RP2					70	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VIỆT TRƯỞNG	RP2	42-43	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẠU HUY HOANG	RP2	40	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
16	BAMBUROV	RP2	46	1	10		98	KH-THAC	Russian
17	ALEKSANDROV	RP2	47-48	2	20		78	KH-THAC	Russian
18	SARATOV	RP2	45	1	12		110	KH-THAC	Russian
19	KIM NHAT THANH	RP2	49	1	20		70	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HOÀI	RP2	53	1	5		56	GETRACO	Vietnamese
21	NGUYỄN DUY CANH	RP2	52	1	9	35	53	GETRACO	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	RP2	41	1	13		65	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTC1	5	5	29	359	15	5		
2	RC3	6	7	47	437	81	4		
3	RP2	11	12	111	826	35	13		
TOTAL		22	24	187	1.622	131	22		
WEIGHT KG				187	1.622	131			

GRAND TOAL: 1.940 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/01/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		MRM+RC5+RCDM	7:25	22+0+0	0+0+0		10+6+4	0+0+0	
2		P7+P10+P1	7:25	15+0+7	0+0+0		11+1+9	0+0+0	chuyen 2 p7- p10
3		P2+PVD1+BK16	7:25	5+16+0	0+0+0		3+18+1	0+0+0	
4		AMD+TGT H5+TGT H1	7:25	15+2+2	0+0+0		15+1+3	0+0+0	
5		BK4+BK3+P5	7:25	0+0+18	0+0+0		0+0+18	0+0+0	chuyen 1 bk4- p5, 3 BK4-bk3
6		P1+PVD1	9:25	10+11	0+0		2+19	0+0	
7		TD5+P4+AMD	9:25	7+9+6	0+0+0		5+11+6	0+0+0	
8		P1+P6 <i>4/10</i>	9:25	20+0+0	0+0		19+0+4	0+0	chuyen 1 p1- p6
9		P9+P3+P5	9:25	5+11+2	0+0+0		3+11+7	0+0+0	
10		BK9+BK15+PPD	11:25	2+2+17	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 2 bk9- bk15
11		P4+BK8+RP2	11:25	15+1+1	0+0+0		18+0+1	0+0+0	chuyen 1 P4- RP2

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/4 rcdm về đi BK8, BK9, RP2; 2 rc5 về đi P9



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/01/2022	TO: MRM - RC5 - RCDM	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: LTuấn - Phong - Huy	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SHEVEL ALEKSEI	MRM	94	1	20		120	AMNGR	Russian
2	SHAKIN MIKHAIL	MRM	46-47	2	16		87	AMNGR	Russian
3	MUKHAMEDOV ILMIR	MRM	43	1	10	15	80	AMNGR	Russian
4	KABOV EVGENII	MRM	95	1	13		103	AMNGR	Russian
5	NGUYỄN VĂN PHỤC	MRM	96	1	10	35	78	AMNGR	Vietnamese
6	LUU HOANG	MRM	97	1	11		58	AMNGR	Vietnamese
7	LÊ VĂN HUY	MRM	48	1	10		67	AMNGR	Vietnamese
8	HỒ VĂN AN	MRM	99	1	10		65	AMNGR	Vietnamese
9	HỒ TRI	MRM	98	1	8		60	AMNGR	Vietnamese
10	TẠ THAI DƯƠNG	MRM	93	1	8		54	AMNGR	Vietnamese
11	PHAN DINH GIAP	MRM	91-92	2	19		80	AMNGR	Vietnamese
12	LÊ HUU NGHIA	MRM	44	1	10		72	AMNGR	Vietnamese
13	MA CHI DAT	MRM	06	1	10		68	AMNGR	Vietnamese
14	HOANG VAN THU	MRM	88	1	9		68	AMNGR	Vietnamese
15	NGUYEN XUAN ANH	MRM	42	1	12		81	AMNGR	Vietnamese
16	LÊ MINH PHAT	MRM	89-90	2	20		58	AMNGR	Vietnamese
17	HOANG XUAN CANH	MRM	45	1	6		68	AMNGR	Vietnamese
18	NGUYEN HUU CHIEN	MRM	87	1	5		80	AMNGR	Vietnamese
19	LÊ THANH TU	MRM	600	1	10		73	DVL	Vietnamese
20	ĐỖ THANH HAI	MRM	01	1	12		68	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	20	23	229	1.488	50	10		
2	RC5	0	0	0	0	40	6		
3	RCDM	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		20	23	229	1.488	90	20		
WEIGHT KG				229	1.488	90			

GRAND TOAL: 1.807 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/01/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: P7 - P10 - P1	CREW: HUNG - MTHAO - DTung	ETA: 09:15
CAM-1			

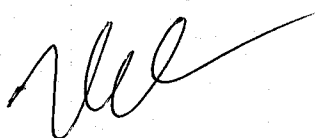
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI THANH CAM	P7	91-92	2	10		78	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN DINH TRONG	P7	37	1	3	50	68	KH-THAC	Vietnamese
3	MAI VAN SON	P7	89-90	2	8		60	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN TIEN HIEP	P7	28	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
5	MAI CONG LAN	P7	29	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
6	TRINH VAN PHUONG	P7					82	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI TRONG NGHIA	P7	31	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	LAM DANG GIANG	P7	30	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM NGOC SON	P7	33	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG MANH CUONG	P7	35-36	2	7		65	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN VAN LOI	P7	32	1	11		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN KHAC LAM	P7	34	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
13	DAO TUAN CHU	P7	39	1	3		65	PSV	Vietnamese
14	LE DUC CUONG	P7	38	1	7		65	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN TIEN THUAT	P7	43	1	5		78	PSV	Vietnamese
16	TRAN XUAN LANH	P1	03	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
17	DINH VAN THANG	P1	04	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	LE VAN THANG	P1	07	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
19	LE NGOC HAI	P1	06	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
20	VU DUY KHANH	P1	02	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN KHANH DUY	P1					82	KH-THAC	Vietnamese
22	VI KHAC THANH	P1	05	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

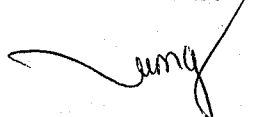
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	15	17	90	1.044	50	1142		CHUYEN 2 KHACH TU P7 SANG P10
2	P10	0	0	0	0	0	1		
3	P1	7	6	38	484	0	9		
TOTAL		22	23	128	1.528	50	21		
WEIGHT KG				128	1.528	50			

GRAND TOAL: 1.706 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/01/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 3	TO: P2 - PVD1 - BK16	CREW: LHai - VTHU - TSON	ETA: 09:30
NAU - 1			

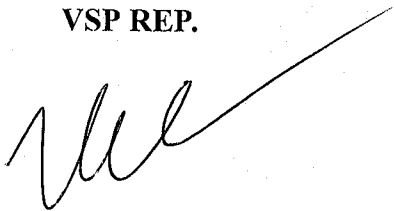
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU DINH LOI	P2	82	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG ĐỨC THUAN	P2	83	1	11		83	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM HIẾN TRƯỞNG	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGÔ VIỆT PHƯƠNG	PVD1	56	1	10		90	XNK	Vietnamese
5	PHẠM ĐÌNH LỘ	PVD1	55	1	9		65	XNK	Vietnamese
6	PHẠM QUANG VINH	PVD1	57-58	2	15		65	XNK-DVL	Vietnamese
7	ĐẶNG MINH SƠN	PVD1	68-69	2	17		70	BAKER HU	Vietnamese
8	NGUYỄN TUẤN ANH	PVD1	63-64	2	15		75	PV DRILL	Vietnamese
9	ĐỖ THANH TÙNG	PVD1	78	1	12		71	PV DRILL	Vietnamese
10	LÊ VĂN VIỆT	PVD1	60	1	9		84	PV DRILL	Vietnamese
11	NGUYỄN KHẮC NGỌC	PVD1	65	1	4		48	PV DRILL	Vietnamese
12	PHẠM ANH SƠN	PVD1	66	1	5		80	PV DRILL	Vietnamese
13	VÕ HÙNG SƠN	PVD1	67	1	7		77	PV DRILL	Vietnamese
14	ĐÀO XUÂN KHIÊM	PVD1	62	1	3		48	PV DRILL	Vietnamese
15	PHẠM BA CƯỜNG	PVD1	59	1	7		85	PV DRILL	Vietnamese
16	PHAN NHẬT TÙNG	PVD1	81	1	3		79	PV DRILL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

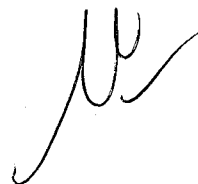
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	3	2	21	215	0	3		
2	PVD1	13	16	116	937	0	18		
3	BK16	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		16	18	137	1.152	0	22		
WEIGHT KG				137	1.152	0			

GRAND TOAL: 1.289 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/01/2022	TO: AMD - TGTH5 - TGTH1	AIRCRAFT: 610	ETD: 07:45
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: NKính - ATUÁN	ETA: 09:45
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM TUẤN HÀ	AMD	86	1	6	80	70	KH-THAC	Vietnamese
2	TRƯỜNG THẾ HIEN	AMD	75,80,81	3	18		72	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐOÀN TÂN TRI	AMD	64	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH KHANH	AMD	83	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM ANH NGŨ	AMD	70-71	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGO BA THANH	AMD	69	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN CÔNG THANH	AMD	72-73	2	18		68	KH-THAC	Vietnamese
8	CHU HỮU CHÍNH	AMD	65	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ VIỆT THĂNG	AMD	82	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG MINH ĐỨC	AMD	84-85	2	13		74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN MINH HOÀNG	AMD	67-68	2	18		88	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VŨ BA LINH	AMD	66	1	13		74	HLJOC	Vietnamese
13	LUƠNG THANH ĐÔNG	AMD	60	1	7		70	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TÚ	AMD	61-62	2	15		58	HAVIET	Vietnamese
15	LÊ VĂN TÍNH	AMD	63	1	8		55	HAVIET	Vietnamese
16	LÊ THANH TÙNG	TGTH5	22-23	2	6		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TRUNG HIỆU	TGTH5	20-21	2	10		68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRUNG KIẾN	TGTH1	25,27	2	14		95	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM VIỆT ĐỨC	TGTH1	28	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	15	22	160	1.027	80	15		
2	TGTH5	2	4	16	133	0	1		
3	TGTH1	2	3	21	177	0	3		
TOTAL		19	29	197	1.337	80	19		
WEIGHT KG				197	1.337	80			

GRAND TOAL: 1.614 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

fuel: 1350 kg (Qea); phí công dầu tại

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/01/2022	TO: BK4 - BK3 - P5	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: TTrung - VLinH - NNam	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	P5	02	1	7	15	80	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐÀO ĐÌNH HUY	P5	65	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
3	TÔNG XUÂN SINH	P5	06-07	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN ĐÌNH TỰ	P5	04-05	2	17		78	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN NGỌC	P5	73	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐOÀN ĐÌNH PHẠC	P5	72	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN CAO MẠNH	P5	03	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
8	LUƠNG VĂN THANH	P5	68	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TUÂN MINH	P5	61	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐÌNH VĂN TOÀN	P5	62	1	10		59	KH-THAC	Vietnamese
11	MULNIUCHKIN	P5	67	1	14		96	DVL	Russian
12	NHÂM ĐỨC TUÂN	P5	63-64	2	11		70	DVL	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HIỆU	P5	70	1	16		90	DVL	Vietnamese
14	LÊ VĂN THĂNG.	P5	71	1	11		71	DVL	Vietnamese
15	NGUYỄN PHI DÂN	P5	59-60	2	18		60	YTE	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	P5	01	1	6		65	PSV	Vietnamese
17	ĐỖ KHÁC ĐÀ	P5	66	1	4		66	PSV	Vietnamese
18	ĐÀO XUÂN THANH	P5	69	1	4		66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

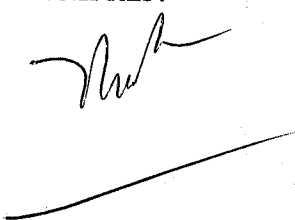
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	0	0	0	0	40	0	0	CHUYEN 1 PAX TU BK4 SANG P5; CHUYEN 3 PAX TU BK4 SANG BK3
2	BK3	0	0	0	0	40	0	0	
3	P5	18	22	159	1.301	15	22	0	
TOTAL		18	22	159	1.301	95	22	0	
WEIGHT KG				159	1.301	95			

GRAND TOAL: 1.555 KGS

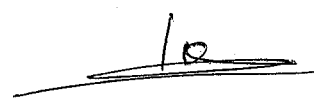
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/01/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:30
FLIGHT: 6	TO: P1 - PVD1	CREW: L Tuấn - Phong - Huy	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI HUY NGHIÊP	P1	04	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG XUÂN SƠN	P1	02	1	14		75	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ VĂN TỰ	P1	05	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
4	HỒ HỮU CHUNG	P1	06	1	6		52	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN THANH HAI	P1	09	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN QUANG PHƯỚC	P1	10	1	7		83	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ QUANG TIẾN	P1	07	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG ĐỨC TOANH	P1	01	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P1	08	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
10	CAO ĐĂNG PHONG	P1	03	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG VĂN MẠO	PVD1	75	1	6		65	PV DRILL	Vietnamese
12	CAO HỮU PHƯỚC	PVD1	72	1	9		56	PV DRILL	Vietnamese
13	NGUYỄN KHẮC TRIỀU	PVD1	53	1	6		72	PV DRILL	Vietnamese
14	VÕ VĂN ĐỊNH	PVD1	74	1	9		75	PV DRILL	Vietnamese
15	ĐẠO XUÂN AN	PVD1	70	1	11		84	PV DRILL	Vietnamese
16	LÊ NGUYỄN VŨ	PVD1	71	1	8		80	PV DRILL	Vietnamese
17	TRẦN VĂN ĐỨC	PVD1	73	1	7		70	PV DRILL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	10	10	71	698	0	6		
2	PVD1	7	7	56	502	0	15		
TOTAL		17	17	127	1.200	0	21		
WEIGHT KG				127	1.200	0			

GRAND TOAL: 1.327 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/01/2022	TO: TD5 - P4 - AMD	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:35
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: HÙNG - MTHAO - DTùng	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN THỰC	TD5	59	1	10		81	KHOAN	Vietnamese
2	KARPUNIN ALEXEY	TD5	60	1	15		95	KHOAN	Russian
3	NGUYỄN ANH HÙNG	TD5	44	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
4	ĐÌNH HOANG LONG	TD5	47-48	2	15		71	SHINTRAC	Vietnamese
5	BUI NGOC CU	TD5	61	1	5		71	SHINTRAC	Vietnamese
6	BUI VĂN THUY	TD5	43,57	2	13		55	SHINTRAC	Vietnamese
7	PHAN HUY CUONG	TD5	62-63	2	15		70	SHINTRAC	Vietnamese
8	HA QUOC VIET	P4	46	1	3		62	KHI	Vietnamese
9	PHẠM VĂN QUYÊN	P4	44-45	2	15		75	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN TIẾN THANH	P4	47-48	2	10		63	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH CƯ	P4	49	1	7		75	KHI	Vietnamese
12	TRƯỜNG THANH GIÁP	P4	50	1	4	110	78	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG HÀ	P4	51	1	4		68	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN QUANG HÙNG	P4	54-55	2	10		66	KH-THAC	Vietnamese
15	MARZIEV M. M.	P4	53	1	7		80	KH-THAC	Russian
16	SAGIROV M. S.	P4	52	1	8		70	KH-THAC	Russian
17	NGUYỄN HỮU HIỆU	AMD	93-94	2	14		52	HAVIET	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN CUÔNG	AMD	90	1	7		90	HAVIET	Vietnamese
19	BUI SY VU	AMD	89	1	15	10	64	HAVIET	Vietnamese
20	NGO VAN QUANG	AMD	87	1	12		68	HAVIET	Vietnamese
21	TRẦN MINH CUÔNG	AMD	91-92	2	14		70	HAVIET	Vietnamese
22	NGUYỄN HỮU ĐIỀN	AMD	88	1	10		65	HAVIET	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	7	10	77	511	0	5		
2	P4	9	12	68	637	110	11		
3	AMD	6	8	72	409	10	6		
TOTAL		22	30	217	1.557	120	22		
WEIGHT KG				217	1.557	120			

GRAND TOAL: 1.894 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/01/2022	TO: P1 - CLO - P6	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: LHai - VTHU - TSON	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG DUY KHUÔNG	P1	11	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ MINH HIẾU	P1	17	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
3	HỒ NGUYỄN KHANH DUY	P1	12	1	2		57	KH-THAC	Vietnamese
4	TÔ QUANG ANH	P1	22	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG BA ĐIỀU	P1	29	1	5		57	YTE	Vietnamese
6	PHẠM THANH NHA	P1	19	1	6		77	PSV	Vietnamese
7	BUI VĂN QUÂN	P1	14	1	5		67	PSV	Vietnamese
8	PHẠM PHU BÌNH	P1	18	1	3		64	PSV	Vietnamese
9	HOÀNG ĐỨC LỘC	P1	16	1	8		64	PSV	Vietnamese
10	LÊ ĐỨC CƯỜNG	P1	15	1	8		53	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN THÔNG	P1	13	1	4	30	61	PSV	Vietnamese
12	TRẦN VIỆT TUÂN	P1	30	1	8		58	HA VIỆT	Vietnamese
13	NGÔ XUÂN NGHĨA	P1	20	1	10		60	HA VIỆT	Vietnamese
14	BUI XUÂN NAM	P1	27-28	2	12		73	HA VIỆT	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN LỢI	P1	32	1	10		62	HA VIỆT	Vietnamese
16	NGUYỄN TUÂN THANH	P1	23	1	13		67	HA VIỆT	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	P1	26	1	9		55	HA VIỆT	Vietnamese
18	PHẠM BA TUÂN	P1	24-25	2	10		67	HA VIỆT	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC TUÂN	P1	31	1	8		60	HA VIỆT	Vietnamese
20	VU VĂN TOÀN	P1	21	1	7		65	HA VIỆT	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	20	22	149	1.277	30	15 + 1		CHUYEN 1 PAX TU P1-P6
2	CLO	0	0	0	0	70	1 + 2		CHUYEN 2 PAX + 180KGS
3	P6	0	0	0	0	0	0		HANG CLO-P6
									THAO 1 GHE DOI DE CHO
									HANG
TOTAL		20	22	149	1.277	100	16		
WEIGHT KG				149	1.277	100			

GRAND TOAL: 1.526 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/01/2022	TO: P9 - P3 - P5	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: TTrung - VLinh - NNam	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN XUÂN HƯƠNG	P9	96,600	2	10		55	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TUẤN ANH	P9	99	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN ĐÀ KHA	P9	97,98	2	8		85	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ THANH HIỆU 60-1-10	P9	19	1	10		60	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN THƯA THAI 55-2-7	P9	48,20	2	7	40	55	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN TRƯỞNG	P3	36-37	2	15		66	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM KHÁC ĐOÀN	P3	79	1	5	53	63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH PHONG	P3	72	1	4	16	75	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ KHAI ĐẠT	P3	81-82	2	15		96	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN CÔNG THANH	P3	78	1	7		59	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ TAM THUY	P3	76-77	2	13		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TRƯỞNG	P3	74	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
13	LAM TUẤN KHAI	P3	80	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ TRUNG TIẾN	P3	38,83	2	10		73	GETRACO	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN KIẾN	P3	75	1	7		60	GETRACO	Vietnamese
16	VŨ ĐÌNH THỤ	P3	39,71	2	15		75	YTE	Vietnamese
17	NGUYỄN HỒNG THẮNG	P5	34-35	2	11	50	86	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

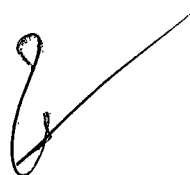
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	5	8	39	318	40	4		
2	P3	11	16	100	780	69	11		
3	P5	1	2	11	86	50	4		
TOTAL		17	26	150	1.184	149	19		
WEIGHT KG				150	1.184	149			

GRAND TOAL: 1.453 KGS +40 kgs

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN


FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/01/2022	TO: BK9 - BK15 - PPD	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:30
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Duong - Nam - Toan	ETA: 13:10
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG SỰ	BK9	08-09	2	18		78	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH DANH	BK9	10	1	5	15	56	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	BK15	24	1	20		72	XAYLAP	Vietnamese
4	LÂM QUANG NAM	PPD	88	1	11		80	KHI	Vietnamese
5	PHAN VĂN TÙNG	PPD	75	1	10		80	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN MINH VIỆN	PPD	79-80	2	8		74	KHI	Vietnamese
7	ĐINH THẾ QUÂN	PPD	86	1	10		75	KHI	Vietnamese
8	VÔ TẠ QUANG	PPD	76	1	5		60	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC NGỌC	PPD	83	1	5		65	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN HUYNH	PPD	84	1	5		60	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC THU	PPD	89	1	10		82	KHI	Vietnamese
12	PHẠM ĐỨC TUÂN	PPD	77	1	5		68	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐĂNG HUY	PPD	78	1	3		78	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN VỊNH	PPD	74	1	5		70	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HÀ	PPD	87	1	7		60	KHI	Vietnamese
16	HOANG HUY TIẾN	PPD	81-82	2	12	20	58	KHI	Vietnamese
17	ĐOÀN DUY HÙNG	PPD	73	1	5		87	KHI	Vietnamese
18	ĐỖ VĂN THANH	PPD	85	1	5		82	KHI	Vietnamese
19	HÀ THẾ BAO	PPD	90	1	7		80	KHI	Vietnamese
20	PHẠM HỒNG THAI	PPD	91	1	3		68	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	2	3	23	134	15	0	4	CHUYEN 2 PAX BK9-BK15
2	BK15	1	1	20	72	0	0	2	
3	PPD	17	19	116	1.227	20	22		
TOTAL		20	23	159	1.433	35	22		
WEIGHT KG				159	1.433	35			

GRAND TOAL: 1.627 KGS

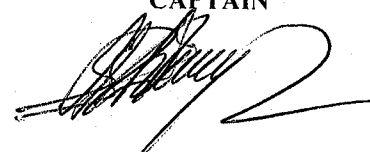
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/01/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:35
FLIGHT: 11	TO: P4 - BK8 - RP2	CREW: Hồi - Mạnh - MQUÂN	ETA: 13:15
HONG - 3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VLASOV A. M.	P4	34	1	4		93	KH-THAC	Russian
2	NGUYEN VAN VINH	P4	26-27	2	14		84	KH-THAC	Vietnamese
3	LE VAN CHIEN	P4	32	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐANG HỒNG VIỆT	P4	25	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN NGUYỄN BAO MINH	P4	37	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
6	LAM VAN PHUC	P4	29	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG KHẮC DU	P4	36	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRƯỜNG THANH	P4	33	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN CÔNG TÍNH	P4	38	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN NGỌC MINH	P4	31	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM NGỌC HÙNG	P4	39	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HỮU THANH	P4				45	66	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HÙNG BAY	P4	30	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	P4	35	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC TUÂN	P4	28	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐANG CÔNG DANH70-3-25	BK8	06	1	11	26	72	CODIEN	Vietnamese
17	VÔ NGỌC THÁI SON 65-4-35	RP2	06	1	10	27	72	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	15	15	84	1.075	45	18	1	CHUYEN 1 PAX P4 SANG RP2
2	BK8	1	1	11	72	26	0		
3	RP2	1	1	10	72	27	1		
TOTAL		17	17	105	1.219	98	19		
WEIGHT KG				105	1.219	98			

GRAND TOAL: 1.422 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN